

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG VĂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 21 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Giàng Mí Chớ

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vàng Mí Chứ

2/ Ông Nguyễn Văn Chiêu

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Châu Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, tham gia phiên toà: Ông Vàng Mí Chứ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 01 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. **Vừ Mí S**, sinh năm 1991, tại M, Huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Vừ Nở S (đã chết) và bà Lầu Thị P, sinh năm 1954; vợ Ly Thị D, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn 05 tuổi, con nhỏ 03 tuổi; Tiền sự, tiền án: Không. Bị bắt ngày 07/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, có mặt.

2. **Sùng Mí M**, sinh năm 1990, tại M, huyện Y, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện Y, tỉnh H; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Sùng Sinh C, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Vàng Thị M, sinh năm 1959 (đã chết); vợ Vàng Thị M, sinh năm 1991; có 03 con, con lớn 08 tuổi, con nhỏ sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không. Bị bắt ngày 07/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, có mặt.

3. **Ly Mí L**, sinh năm 1996, tại Sùng T, huyện Đ, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện Đ, tỉnh H; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Ly Chứ V, sinh năm 1964 và bà Thò Thị X, sinh năm

1965; vợ Vừ Thị M, sinh năm 1993; có 02 con, con lớn 04 tuổi, con nhỏ 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 07/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, có mặt

4. **Sinh Quáng D**, sinh năm 2000, tại M, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H; dân tộc: Cờ Lao; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Sinh Mí S, sinh năm 1979 và bà Vân Thị M, sinh năm 1977; vợ Thào Thị C, sinh năm 1998; có 01 con, sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: Không. Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo quyết định số 04/ 2018/ HSST-QĐ ngày 25/12/2018, của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, có mặt.

5. **Vân Mí P**, sinh năm 1999, tại M, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H; dân tộc: Cờ Lao; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Vân Quán T, sinh năm 1980 (đã chết) và bà Sinh Thị M, sinh năm 1978; vợ: Vừ Thị C, sinh năm 1999; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo quyết định số 05/ 2018/ HSST-QĐ ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, có mặt.

6. **Sinh Mí L**, sinh năm 2000, tại M, huyện Y, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H; dân tộc: Cờ Lao; Cờ Lao; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Sinh Quáng B, sinh năm 1973 và bà Vân Thị M, sinh năm 1973; vợ: Vân Thị M, sinh năm 1999; có 02 con, sinh năm 2017, 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo quyết định số 06/ 2018/ HSST-QĐ ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, có mặt.

7. **Vàng Mí V** (tên gọi khác: Vàng Chứ V), sinh năm 1969, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà G; Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Vàng Dũng S, sinh năm 1949 và bà Vừ Thị M (đã chết); vợ Mua Thị M, sinh năm 1967; có 03 con, con lớn 32 tuổi, con nhỏ 24 tuổi; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo quyết định số 07/ 2018/ HSST-QĐ ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, có mặt.

- **Người bào chữa cho các bị cáo:** Vừ Mí S; Sùng Mí M; Ly Mí L, bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang, có mặt.

- **Người bào chữa cho các bị cáo:** Vân Mí P; Sinh Quáng D; Vàng Mí V; Sinh Mí L, bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang, có mặt.

- **Các bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện S, tỉnh T, vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Anh Lê Trọng T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh T, vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Anh Trần Hải V, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh H, vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1962

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh H; vắng mặt không có lý do;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Vũ Thị M, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện Đ, tỉnh H, vắng mặt không có lý do;

2. Anh Lâu Mí S, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H, vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Chị Thảo Thị C, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H, vắng mặt không có lý do;

4. Chị Vũ Thị Ch, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H, có mặt;

5. Chị Vân Thị M, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H, vắng mặt không có lý do;

6. Anh Sùng Mí S, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh H, có mặt;

- Người làm chứng:

1. Anh Vàng Văn X, sinh năm 1983, vắng mặt không có lý do;

2. Anh Trần Văn N, sinh năm 1987, vắng mặt không có lý do;

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, vắng mặt không có lý do;

4. Anh Vàng Chúa G, sinh năm 1986, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần I: Khoảng 19 giờ ngày 02/9/2018 Ly Mí L gọi điện rủ Vũ Mí S đi xuống xã Mậu D, huyện Y để chơi nhưng S nói không có xe, L bảo S lên đường ô tô để L chở S đi, S đồng ý. S, L đi đến xã Mậu D thì gặp Sùng Mí M, ba người chơi ở xã M đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì S, M, L đi về nhà, khi về đến khu vực bãi quặng thì gặp Lâu Mí S, sinh năm 1989 trú tại thôn N, xã M, huyện Y cũng đi từ xã M lên, S rủ S, M và L quay lại xuống xã M ăn tối, S, M, L đồng ý. Sử dụng xe máy của mình chở S, còn M và L mỗi người đi một xe máy cùng nhau xuống trung tâm xã M ăn tối, khi ăn tối xong bốn người quay về, do S say rượu nên S đi về nhà ngủ, còn S, M và L không

vào nhà S mà tiếp tục đi về. Khi đến đường rẽ xuống nhà của S, thì S nói "Ba người ngồi ở cạnh đường đợi xem có xe ô tô nào chở trâu lên không, nếu có thì đuổi bám trèo lên thùng xe ô tô dắt trộm trâu bán lấy tiền chia nhau" M và L đồng ý. S, L, M ngồi một lúc thấy có một chiếc xe ô tô đi từ hướng xã Mậu D lên. Thấy vậy, M dắt xe máy của M đi giấu phía dưới đường, L đi xe máy đi trước khoảng 200 mét thì rẽ vào đường dân sinh để chờ. Giấu xe xong S, M nấp ở rãnh thoát nước bên tả ly dương đợi xe ô tô, khi chiếc xe ô tô đi qua chỗ S, M được 10 mét thì S, M chạy đuổi theo xe ô tô chở trâu, S đuổi kịp và bám được phía sau thùng xe ô tô, còn M không đuổi kịp nên đi bộ lên chỗ L chờ, thấy M, L điều khiển xe máy đuổi theo chiếc xe ô tô chở trâu mà S đã bám được. Khi đến đoạn dốc thuộc thôn T, xã S, huyện Đ do đường dốc, xe ô tô đi chậm, L dừng xe máy cho M xuống để tiếp tục đuổi theo xe ô tô chở trâu, lúc này M thấy S đang bám phía sau thùng xe bên lái, M đuổi kịp và bám lên phía sau thùng xe ô tô bên phụ. S, M bám vào thùng xe ô tô đi được 200 mét, hai người cùng cởi dây buộc bạt phủ thùng xe, thấy cánh cửa phía sau thùng xe ô tô bên phụ hé ra, S, M kéo cánh cửa ra và cầm dây thùng đã buộc mũi trâu từ trước để kéo con trâu xuống nhưng do cửa ngang thùng xe chưa mở nên không kéo được con trâu xuống. S, M tiếp tục mở chốt cài thành ngang hai bên thùng xe ô tô sau đó tiếp tục cầm dây thùng và nhảy ra khỏi xe xuống dưới đường kéo mạnh thì con trâu nhảy từ trên thùng xe ô tô xuống đường, S dắt con trâu đi trước, M đi sau đuổi trâu xuống nương ngô cách đường 11,5 mét rồi buộc trâu vào một khóm cỏ voi, sau đó S, M cùng ra đường ô tô đi bộ về hướng xã M được khoảng 100 mét thì gặp L dựng xe máy đứng ở cạnh đường. S, M nói với L là: *"Đã trộm cắp được 01 con trâu dắt đi giấu ở dưới nương ngô"*, lúc này thấy có người soi đèn pin đi bộ theo đường ô tô đi về hướng M, S bảo L lấy xe máy để chở S, M về hướng xã M, đi được khoảng 200m, S bảo L dừng xe để S, M xuống xe rồi đi lên phía trên đường trốn, còn L đi xe máy về nhà. Khi thấy người soi đèn pin đi xuống qua chỗ giấu trâu sau đó quay lại đi theo hướng xã L. S, M nấp khoảng một tiếng đồng hồ, rồi cùng nhau đi lên chỗ giấu trâu thì thấy trâu vẫn còn, S gọi điện bảo L mang nước ra cho S, M uống. Khoảng 15 phút sau L đi xe máy đến, uống nước xong S bảo M, L dắt trâu theo đường mòn sang nhà M giấu, còn S đi xe máy của L theo đường bê tông để lên nhà M. Khoảng 13 giờ ngày 03/9/2018, S gọi điện cho Vàng Mí V trú tại thôn Lao X, xã Sùng L, huyện Đ, tỉnh Hà (vì trước đó vào ngày 19/8/2018 Súng đã gọi cho Vá đến mua 02 con trâu do Súng và đồng bọn cũng trộm cắp được ở trên xe ô tô tại đoạn dốc thuộc thôn Tùng Tinh, xã Sảng Trái, huyện Đồng Văn) S nói là có 01 con trâu lấy trộm trên xe ô tô xuống nếu V mua thì xuống xem, V biết là trâu do S trộm cắp sẽ bán rẻ nên đồng ý, do lúc này V đang cùng Vàng Mí G, sinh năm 1986 trú tại thôn S, xã P, huyện Đ đang chờ bò đi bán ở xã L, huyện Đ, khi bán bò xong trên đường đi về đến xã S, huyện Đ, khoảng 15 giờ cùng ngày V bảo thuê anh G đi chở trâu cho V ở xã M, huyện Y với giá 1.000.000 đồng (V không nói cho G biết về nguồn gốc con trâu). G đồng ý và lái đưa V đến xã M, gặp S ở đường đối diện bãi quặng của xã M, huyện Y, S lên xe ô tô đi cùng V, G vào nhà M, khi đi đến điểm trường thôn K, xã M thì gặp M, G dừng xe ô tô ở điểm trường để V cùng M lên nhà để xem trâu, khi đến nhà M dắt trâu ra sân cho V xem (do trời tối nên V

không nhìn kỹ trâu), V hỏi con trâu giá bao nhiêu, M nói là 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) nhưng V trả giá dưới 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) V bảo nếu bán thì dắt ra xe ô tô, sau đó V đi ra trước, M dắt trâu đi sau, S, V thống nhất giá con trâu là 19.000.000đ (mười chín triệu đồng), V nói với Súng là: "Con trâu này do trộm cắp về Súng phải đảm bảo và đưa trâu đi hết đất huyện Yên Minh đến địa phận huyện Đồng Văn Vá mới đưa tiền" S đồng ý. S bảo M, L đi xe máy trước để kiểm tra xem có Công an không, còn S, Vá lên xe ô tô chở trâu đi sau, khi đi đến chân dốc lên thôn V, xã Hữu V, huyện Y thì bị anh Nguyễn Văn H chặn được và đã yêu cầu Vàng Mí G điều khiển xe và đưa Vàng Mí V về Công an xã Hữu V, huyện Y để làm rõ nguồn gốc con trâu. Sau đó vụ việc được chuyển lên Công an huyện Y. Qua xác minh thấy vụ việc xảy ra thuộc địa bàn của huyện Đ, ngày 04/9/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tang vật và đối tượng cho Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tang vật vụ án gồm:

+ 01 con trâu cái màu lông mốc, da màu đen, chiều dài 1,9 mét, chiều cao 1,3 mét, vòng bụng 2,1 mét, sừng dài 50 cm, sừng bên trái có các vết màu trắng không rõ hình, trong các kẽ sừng phần đầu sừng có nhiều vết sơn xanh, đỏ; Mũi trâu bị rách rỉ dịch màu hồng, tai phải có lỗ bấm khuyên tai, lưng bên trái có nhiều vết xước.

+ 01 xe ô tô biển kiểm soát 23C-044.73, nhãn hiệu DOTHANH, loại xe tải có mui, màu sơn trắng của Vàng Mí G, sinh năm 1986 trú tại thôn S, xã P, huyện Đ, tỉnh H.

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc đã qua sử dụng, 900.000 đồng (loại mệnh giá 500.000 đồng = 01 tờ, loại mệnh giá 200.000 đồng = 02 tờ) thu của Vừ Mí S.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn trắng - đen, BKS 23N1-105.05 đã qua sử dụng; 01 chìa khóa xe mô tô và 01 chiếc điện thoại di động màu trắng hồng, không có nhãn hiệu, phía bên trên góc bên phải và trái màn hình của điện thoại bị vỡ đã qua sử dụng thu của Ly Mí L.

Lần II: Khoảng 18 giờ, ngày 19/8/2018, Sinh Quáng D, Vần Mí P, Sinh Mí L đi sang nhà Vừ Mí S để rủ S cùng đi khai thác quặng, khi đến nhà S có Ly Mí L trú thôn S, xã S, huyện Đ, Lầu Mí S, trú tại thôn N, xã M, huyện Y đang uống rượu, D, P, L cùng vào uống rượu. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, mọi người cùng rủ nhau đi khai thác quặng nhưng S không đi nên về nhà ngủ, còn S, L, D, L, P ở nhà S thì D rủ mọi người đi xuống xã M để chơi điện tử, S, L, D, L, P đồng ý và cùng nhau đi, khi đi đến đoạn đường đối diện khu vực bãi quặng, L, L dừng xe máy, mọi người xuống ngồi ở cạnh đường, D nói không đi chơi điện tử nữa mọi người đợi xem có xe ô tô nào chở trâu đi qua thì trèo lên lấy trộm trâu mang đi bán lấy tiền chia nhau, S, P, L, L đồng ý. D nói: "Phải giấu xe máy để không bị lộ", khi D nói vậy L, L dắt xe máy đi giấu phía dưới tả ly âm có nhiều cây cỏ cách đường ô tô 04 mét, sau đó L, L, S, D, P đi bộ xuống nấp ở dưới đường, khoảng 40 phút sau thấy một chiếc xe ô tô thùng đang đi lên nhưng không phải xe chở trâu, mọi người tiếp tục ngồi đợi được khoảng

15 phút thì thấy có hai chiếc ô tô đi từ hướng xã M lên, mỗi xe đi cách nhau khoảng 15 mét, khi chiếc xe đi sau đi qua khoảng 10 mét thì D, S chạy đuổi theo bám được vào thùng và trèo lên xe ô tô đi, còn D không bám được nên đứng đợi L, L, P đi lên rồi cùng đi bộ đến chỗ giấu xe máy, L, L vào bụi cây lấy xe máy ra chở D, P tiếp tục đuổi theo xe ô tô đến đoạn dốc thuộc thôn T, xã S, huyện Đ thì xe đi chậm, S mở then cài cửa thùng xe bên phụ ra và cởi dây thùng buộc trâu sau đó nhảy xuống đường dùng hai tay cầm dây buộc trâu kéo trâu nhảy xuống đường sau đó dắt trâu đi được một đoạn thì thấy L, D, L và P đi xe máy đến, S đưa trâu cho P dắt đi buộc ở cột điện cách đường ô tô là 10,4 mét. D bảo L lấy xe máy chở D, Súng tiếp tục đuổi theo xe để trộm thêm một con trâu nữa, S, D nói L với P ở lại trông trâu, L chở D, S đuổi theo xe chở trâu đến cua M thuộc thôn S, B, xã S, huyện Đ thì thấy xe ô tô đi chậm, khi cách khoảng 05 mét, Lệnh đi xe máy chậm lại để S, D nhảy xuống sau đó L đi xe máy vượt lên trước, còn D, S chạy đuổi theo xe ô tô, D bám được vào phía sau và trèo lên đứng ở thành ngang thùng xe đi khoảng 20 mét, do cánh cửa phía sau thùng xe do S mở từ trước nên D cởi dây buộc và nhảy xuống đường dùng hai tay cầm dây buộc trâu để kéo con trâu nhảy xuống đường, còn S không bám được thùng xe nên đi bộ theo đường ô tô thì gặp D đang dắt trâu xuống. D, S dắt trâu lên đồi cây sa mộc cách đường rẽ vào thôn S, B là 30 mét. Khi D, S nhảy xuống, L đi xe máy vượt lên trước đi đến ngã ba đường vào thôn H, xã S, huyện Đ, dừng xe đợi hai chiếc xe ô tô đi qua, L gọi điện báo L, P đi xe máy theo đường ô tô lên, sau đó L quay về đến chỗ D, S thì L, P đã đi xe máy lên đến nơi. Lúc này S, D đang đứng ở cạnh đường, D bảo L và P lên dắt trâu về hướng xã M, L đi xe máy đi trước để kiểm tra nếu có xe ô tô lên thì gọi điện báo cho L và P, còn D, S đi xe máy của L theo hướng ra xã L, huyện Đ để kiểm tra xem xe ô tô chở trâu có quay lại tìm trâu không. Khi D, S đi đến quán nhà sàn thuộc thôn S, xã S, huyện Đ thấy hai chiếc xe ô tô đang dừng lại để kiểm tra trâu trên xe, D, S đi vượt lên phía trước khoảng 500 mét thì D gọi điện báo cho L là xe ô tô đã phát hiện bị mất trộm trâu rồi dắt trâu đi giấu không thì sẽ bị phát hiện. Nghe điện thoại xong L, P dắt trâu đi giấu ở khe đá cách đường là 34 mét rồi tiếp tục ra đường quan sát xem có ai đi tìm trâu không, lúc này L đi xe máy quay lên để chờ L, P, khi ba người về đến biển báo giáp ranh huyện Đ và huyện Y thì Lùng dừng xe lại cùng L, P đứng đợi được một lúc thấy D, S về đến sau đó 05 người đi ngồi ở trên đường quan sát xem có người đi tìm trâu không, được khoảng 30 phút không thấy có người đi tìm trâu nên L, L tiếp tục dùng xe máy chở S, D, P lên chỗ giấu trâu để dắt trâu còn L, L đi xe máy về hướng xã M trước để kiểm tra và đợi ở chân dốc T nếu có xe ô tô đi lên hướng huyện M, tỉnh H thì gọi điện báo cho S, D, P biết. Sau đó S, L, P dắt con trâu đi theo đường ô tô xuống xã M, khi đến dốc T, xã S, huyện Đ đi vào dắt con trâu đã lấy trộm trước đó buộc ở cột điện ra đường ô tô, S cùng L, P dắt 02 con trâu xuống thì gặp L ở chân dốc thôn T, 05 người dắt 02 con trâu theo đường mòn xuống buộc giấu ở khe suối thuộc thôn N, xã M, huyện Y. sau đó 05 người đi xuống đường rẽ vào xã M, huyện Y và về nhà ngủ, khoảng 15 giờ ngày 20/8/2018 S gọi điện cho Vàng Mí V đến xem trâu. Khi D đưa V lên xem V có hỏi: "02 con trâu này ở đâu về" S nói: "Trộm trên xe ô tô xuống", V nói "Buộc ở đây không sợ bị phát hiện à", S trả lời: "Do

họ chở xa đến không sợ", V hỏi: "02 con trâu bán bao nhiêu tiền", S trả lời: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), V bảo đắt quá, sau đó V và T đi vào thôn S, B, xã S xem bò còn L, P, S và D đi xuống xã M để mua bia uống và ăn phở, L ở lại trông trâu, lúc này V và T về đến xã M, V rủ mọi người ra quán ăn cơm, uống rượu nhưng S nói là "Chúng tôi có 05 người", V bảo mời tất cả mọi người đi cùng ăn cơm, sau đó S bảo P đi lên đón L xuống. Trong lúc ăn cơm V hỏi tiếp hai con trâu bán bao nhiêu tiền, S nói là: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) V nói đắt quá không mua được, S tiếp tục giảm giá là 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng) V không nói gì. Lúc này S nhận được điện thoại của Ly Dũng M, trú ở thôn K, xã M (chú họ của vợ) M được 01 con bò nên S, L đi xe máy của L lên nhà M xem bò, còn D, P, L ở lại thống nhất giá bán, V nói "Hai con trâu này không phải mọi người nuôi lớn mà là trộm cắp về, bán giá vừa thôi". D, V đã thống nhất giá hai con trâu là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nhưng V bảo phải trừ 1.000.000đ (Một triệu đồng) để V thuê xe ô tô chở đi huyện Đ bán, D đồng ý và gọi điện cho S, L về để dắt trâu lên xe ô tô, còn V gọi điện cho Cử Mí S, sinh năm 1993 trú tại thôn M, xã H, huyện Y ra xã M chở trâu thuê cho V với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), S đồng ý. Lúc này D, P đi xe máy ra huyện Y trước kiểm tra xem có cơ quan chức năng làm việc không, nếu có thì gọi điện báo cho mọi người biết, còn S, L, L đi lên khe suối dắt trâu xuống đường rồi cùng V dắt trâu lên xe ô tô thì thấy trên xe đã có buộc trước 01 con bò do V mua của ông H, sinh năm 1968 trú tại thôn P, xã M, với giá là 33.300.000đ (Ba mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng). Khi V buộc trâu và đóng cửa thùng xe xong V nói S, L, D là: "Đi hết địa phận Yên Minh theo đường lên huyện Đồng Văn nếu không bị phát hiện thì V mới trả tiền", sau đó V lên xe ô tô ngồi cùng S lái xe ô tô chở trâu, bò đi trước, S, L, L đi xe máy của L đi sau xe ô tô. Đến ngã ba xã H, huyện Y, S dừng xe ô tô để V dắt thêm 01 con bò đã mua của ông Ly Mí S, sinh năm 1983 trú tại thôn N, xã H với giá là 26.500.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), còn S, L, D, L, P lên trên đoạn dốc thôn V đường lên huyện Đ để đợi. Khi V, T đi xe máy lên đến nơi S, L, D, L, P đứng đợi thì V bảo S đi lấy tiền, S đi xe máy của L cùng với V đi đến ngã ba đường vào xã S, huyện Y thì V trả số tiền mua trâu 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng) cho S. Sau khi nhận đủ tiền S quay về rủ L, D, L, P đi ra thị trấn Y vào quán hát karaoke, ăn uống hết số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), sau đó mọi người ai về nhà người đó ngủ và hẹn sáng hôm sau mọi người xuống xã M để chia số tiền còn lại là 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Khoảng 7 giờ sáng ngày 21/8/2018 S, L, D, L, P đi xuống đường rẽ vào thôn N, xã M S chia cho mỗi người được 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện số tiền được chia các bị can đã chi tiêu cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đồng Văn kết luận tổng giá trị tài sản định giá là: 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng chẵn).

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 23 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, đã truy tố Sùng Mí M về tội: Trộm cắp tài sản,

theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Vừ Mí S, Ly Mí L, Sinh Quáng D, Vần Mí P và Sinh Mí L về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình Sự; truy tố Vàng Mí V (tên gọi khác: Vàng Chứ V) về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Sùng Mí M, Vừ Mí S, Ly Mí L, Sinh Quáng D, Vần Mí P và Sinh Mí L đã thừa nhận: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 19/8/2018, Vừ Mí S, Ly Mí L, Sinh Quáng D, Vần Mí P, Sinh Mí L đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 con trâu của ông Trần Hủi V, Nguyễn Văn Q tại thôn T, xã S, huyện Đ, giá trị tài sản là: 72.000.000 đồng (*bảy mươi hai triệu đồng chẵn*) và khoảng 00 giờ ngày 03/9/2018 Vừ Mí S, Sùng Mí M, Ly Mí L đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con trâu của Nguyễn Văn G và Lê Trọng T tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, giá trị tài sản là: 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng chẵn*).

Ngày 20/8/2018 và ngày 03/9/2018 Vàng Mí V (Vàng Chứ V) đã thực hiện hành vi: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, với số tiền thu lợi bất chính Vá thu được là 7.600.000 đồng (*bảy triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*).

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b; s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vừ Mí S từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù;

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b; s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ly Mí L từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b; s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Sinh Quáng D từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đến 05 (năm) năm;

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b; s; r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 ; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Sinh Mí L từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng Mí M từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng;

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b; s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Mí P từ 02 (Hai) năm 06 tháng đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đến năm năm;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b; s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng Mí V (Vàng Chữ V) từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 (Ba Mươi sáu) đến 48 (Bốn mươi tám) tháng;

Xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Mí S; Sùng Mí M; Ly Mí L trình bày: Về tội danh. Nhất trí như Cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo; Về hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Mí S, từ 26-28 tháng tù, Ly Mí L từ 24 tháng đến 26 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt Sùng Mí M thời gian tù bằng thời gian tạm giam .

Người bào chữa cho các bị cáo Văn Mí P; Sinh Quảng D; Vàng Mí V; Sinh Mí L trình bày: Về tội danh. Nhất trí như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo; về hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Văn Mí P; Sinh Quảng D 24 tháng tù cho hưởng án treo; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s , r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Sinh Mí L 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt Vàng Mí V từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền do bị cáo phạm tội mà có

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của người bào chữa, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị hại anh Nguyễn Văn G; anh Lê Trọng T; anh Trần Hải V; anh Nguyễn Văn Q, trong quá trình điều tra các bị hại đã nhận đủ số tiền vốn đã bỏ ra là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng chẵn) và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường bất cứ chi phí nào khác nên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không xem xét nữa;

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành phạm tội của của mình được lưu giữ trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Vừ Mí S tại các bút lục từ 178 đến bút lục số 240; Sùng Mí M tại các bút lục từ 241 đến bút lục số 270, Ly Mí L tại các bút lục từ 271 đến bút lục số 314, Sinh Quảng D tại các bút lục từ 315 đến bút lục số 334, Vần Mí P tại các bút lục từ 335 đến bút lục số 354; Sinh Mí L tại các bút lục từ 383 đến bút lục số 394

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Vàng Mí V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại các bút lục từ số 355 đến bút lục số 382.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Sùng Mí M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Vừ Mí S, Ly Mí L, Sinh Quảng D, Sinh Mí L, Vần Mí P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Vàng Mí V (Vàng Chữ V) về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; Tại biên bản sự việc bút lục số 01; Kết luận định giá tài sản trong tố tụng tại bút lục số 09 và 18,19; Biên bản thử nghiệm Điều tra, bản ảnh, sơ đồ hiện trường thực nghiệm điều tra tại các bút lục từ số 503 đến năm 528; Lời khai của các bị hại từ bút lục số 395 đến bút lục số 410; Lời khai người làm chứng Nguyễn Văn H tại bút lục 466 đến bút lục số 469 và các vật chứng, tài liệu có trong hồ sơ đều khớp với nội dung và tình tiết của vụ án là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; với mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 19 tháng 8 năm 2018, Vừ Mí S, Ly Mí L, Sinh Quảng D, Vần Mí P, Sinh Mí L đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 con trâu của anh Trần Hải V, anh Nguyễn Văn Q tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà, trị giá tài sản là: 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng chẵn*); Khoảng 0 giờ ngày 03 tháng 9 năm 2018, Vừ Mí S, Sùng Mí M, Ly Mí L đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con trâu của anh Nguyễn Văn G, anh Lê Trọng T tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh H, trị giá tài sản là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng chẵn*). Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều này có mức phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06

tháng đến 03 năm. Tại khoản 2 Điều này quy định phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

a).....

b).....

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị giá từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2018 và ngày 03/9/2018 Vàng Mí V (Vàng Chữ V) đã thực hiện hành vi: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, với số tiền thu lợi bất chính là 7.600.000 đ (*Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*). Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, có mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[5] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân, khi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu nhất định về pháp luật. Trong cả hai lần phạm tội Vừ Mí S, Ly Mí L là người khởi xướng, chủ mưu và là người thực hiện tích cực hành vi phạm tội. Trong đó Vừ Mí S, Ly Mí L thực hiện hai lần phạm tội nên hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác mới tương xứng với vai trò của hai bị cáo trong vụ án. Đối với các bị cáo Văn Mí P; Sinh Mí L; là đồng phạm với vai trò là người thực hiện tích cực hành vi phạm tội. Tuy nhiên các bị cáo đều là người dân tộc, trình độ học vấn thấp, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, ở địa phương các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho các bị hại, các bị hại có đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm ngoài số tiền đã bồi thường. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo Sùng Mí M ngoài các tình tiết giảm nhẹ trên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo Sinh Mí L được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, đại diện gia đình của các bị cáo Vừ Mí S, Ly Mí L, Sinh Quảng D, Văn Mí P, Sinh Mí L đã tự nguyện thỏa thuận, liên đới bồi thường thiệt hại cho các anh Nguyễn Văn Q và Trần Hải V tổng số tiền là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) các bị hại đã nhận đủ vào ngày 24/10/2018 và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo và các bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ 01 con trâu cái màu lông mốc, da màu đen, chiều dài 1,9 mét, chiều cao 1,3 mét, vòng bụng 2,1 mét, sừng dài 50 cm, sừng bên trái có các vết màu trắng không rõ hình, trong các kẽ sừng phần đầu sừng có nhiều vết sơn xanh, đỏ; Mũi trâu bị rách rỉ dịch màu hồng, tai phải có lỗ bấm khuyên tai, lưng bên trái có nhiều vết xước.

+ 01 xe ô tô biển kiểm soát 23C-044.73, nhãn hiệu DOTHANH, loại xe tải có mui, màu sơn trắng của Vàng Mí G, sinh năm 1986 trú tại thôn S, xã P, huyện Đ, tỉnh H.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn trắng - đen, BKS 23N1-105.05 đã qua sử dụng; 01 chìa khóa xe mô tô và 01 chiếc điện thoại di động màu trắng hồng, không có nhãn hiệu, phía bên trên góc bên phải và trái màn hình của điện thoại bị vỡ đã qua sử dụng thu của Ly Mí L.

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc đã qua sử dụng; 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng), loại mệnh giá 500.000 đồng = 01 tờ, loại mệnh giá 200.000 đồng = 02 tờ, thu của Vừ Mí S.

+ Vàng Mí Vá (Vàng Chữ V) giao nộp do phạm tội mà có là 7.600.000đ (*Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*).

Hội đồng xét xử xét thấy: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn trắng - đen, BKS 23N1-105.05 thu giữ của Ly Mí Lệnh; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu sơn trắng; BKS 23M1 - 060.02, xe đã qua sử dụng, thu giữ của Sinh Mí L; 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc, đã qua sử dụng, thu giữ của Vừ Mí S 01 (Một) điện thoại di động (không có nhãn hiệu) màu trắng hồng, phía bên trên góc bên phải, bên trái của màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng; thu giữ của Ly Mí L là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và số tiền tiền 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*) thu giữ của Vừ Mí S 7.600.000đ (*Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*) do phạm tội mà có do Vàng Mí V giao nộp cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe ô tô BKS 23C-044.73, nhãn hiệu DOTHANH, loại xe tải có mui, màu sơn trắng do bị can Vàng Mí V thuê của Vàng Mí G, sinh năm 1986 trú tại thôn S, xã P, huyện Đ điều khiển đi chở trâu. Trong quá trình điều tra xác định Vàng Mí G là chủ chiếc xe ô tô, do V thuê đi chở trâu với giá 1.000.000 đồng, khi thuê xe Vá không nói rõ cho G biết là đi chở trâu trộm cắp. Ngày 28/9/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành trao trả chiếc xe trên cho Vàng Mí G. Hội đồng xét xử thấy việc xử lý vật chứng trả lại Vàng Mí G là chiếc xe ô tô BKS 23C-044.73, nhãn hiệu DOTHANH; trả lại anh Lê Trọng T 01 con trâu là đúng pháp luật nên ghi nhận.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Vừ Mí S, Ly Mí L, Sinh Quảng D, Vần Mí P; Sinh Mí L và Sùng Mí M phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Vàng Mí V (tên gọi khác: Vàng Chứ V) phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vừ Mí S 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt (ngày 07/9/2018);

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 ; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ly Mí L 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt (ngày 07/9/2018);

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1, 2 Điều 65; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Mí M 9 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Sùng Mí M.

Giao bị cáo Sùng Mí M cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Sinh Quảng D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Sinh Quảng D cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Vần Mí P 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vần Mí P cho Ủy ban nhân dân xã , huyện Y, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M

giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 ; Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Sinh Mí L 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Sinh Mí Lùng cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Yên M, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Vàng Mí V (Vàng Chứ Vá) 02 (Hai năm) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh H giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn trắng - đen; BKS 23N1 - 105.05 đã qua sử dụng và 01 chìa khóa thu giữ của Ly Mí L.

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu sơn trắng; BKS 23M1 - 060.02, xe đã qua sử dụng, thu giữ của Sinh Mí L;

+ 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG màu bạc, đã qua sử dụng, thu giữ của Vừ Mí S;

+ 01 (Một) điện thoại di động (không có nhãn hiệu) màu trắng hồng, phía bên trên góc bên phải, bên trái của màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng, thu giữ của Ly Mí L.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước, tổng số tiền 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) trong đó:

Số tiền 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*) thu của Vừ Mí S và số tiền thu lợi bất chính 7.600.000 đồng (*bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*) do Vàng Mí V (Vàng Chứ V) giao nộp.

Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tỉnh H theo ủy nhiệm chỉ số 56 ngày 26 tháng 12 năm 2018.

- Về án phí sơ thẩm hình sự:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Vừ Mí S, Ly Mí L, Sùng Mí M, Sinh Quáng D, Vần Mí P, Sinh Mí L, Vàng Mí V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Đồng Văn (2 bản);
- Công an huyện Đồng Văn (2 bản);
- THADS huyện Đồng Văn;
- UBND xã Mậu duệ, - Yên Minh;
- UBND xã Sùng trái - Đồng Văn;
- UBND xã Sùng Là - Đồng văn;;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Giàng Mí Chớ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vàng Mí Chứ - Nguyễn Văn Chiêu

Giàng Mí Chớ